

Số: **77** /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày **25** tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả phân bổ hàng dự trữ quốc gia phục vụ công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (giai đoạn 2020-2022)

Kính gửi: Tổng cục dự trữ Nhà nước

Thực hiện nội dung Công văn số 527/TCĐT-TTKT ngày 14/4/2023 của Tổng cục Dự trữ Nhà nước về việc báo cáo khảo sát thanh tra chuyên ngành về công tác xuất cấp, tiếp nhận, bảo quản, sử dụng hàng dự trữ quốc gia; UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả phân bổ hàng dự trữ quốc gia phục vụ công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

1. Những vấn đề chung

1.1. Đặc điểm tình hình, chức năng và nhiệm vụ được giao về tiếp nhận, phân phối, sử dụng và bảo quản hàng DTQG

Tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn từ năm 2020 – 2022:

- Năm 2020 đã có 14 cơn bão, 02 áp thấp nhiệt đới xảy ra trên Biển Đông gây ảnh hưởng nhiều đến hoạt động đánh bắt khi thác thủy sản của ngư dân và có 06 đợt mưa, lũ xảy ra trên đất liền.

- Năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã chịu ảnh hưởng trực tiếp của 04 cơn bão, 09 đợt mưa, lũ và 04 đợt dông, lốc và ảnh hưởng nặng nề đến đời sống, sản xuất của Nhân dân.

- Năm 2022 đã có 07 cơn bão xảy ra trên Biển Đông và trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã chịu ảnh hưởng trực tiếp của 02 cơn bão, 05 đợt mưa, lũ và các đợt dông, lốc.

Để khắc phục thiệt hại, UBND tỉnh đã có các văn bản báo cáo Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai và các Bộ, ngành Trung ương xem xét hỗ trợ giai đoạn từ năm 2020 – 2022:

Năm 2020: Báo cáo số 215/BC-UBND ngày 04/11/2020 của UBND tỉnh về công tác chỉ đạo ứng phó và tình hình thiệt hại do bão số 9 gây ra; các Tờ trình: số 110/TTr-UBND ngày 30/10/2020; số 158/TTr-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí để khắc phục khẩn cấp thiệt hại do bão số 9 (MOLAVE) và bão, lũ trong tháng 10,11/2020 gây ra trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Năm 2021: Các Báo cáo số 180/BC-UBND ngày 08/11/2021; số 225/BC-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh về tổng hợp tình hình thiệt

hại do thiên tai gây ra; và Các Tờ trình số 168/TTr-UBND ngày 28/10/2021; số 225/TTr-UBND ngày 04/12/2021 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí để khắc phục khẩn cấp thiệt hại do bão, lũ.

Năm 2022: Các Báo cáo số 63/BC-UBND ngày 14/4/2022; số 151/BC-UBND ngày 31/8/2022; số 168/BC-UBND ngày 23/9/2022; số 178/BC-UBND ngày 12/10/2022; số 188/BC-UBND ngày 03/11/2022 của UBND tỉnh về công tác triển khai ứng phó và tình hình thiệt hại do mưa lớn xảy ra.

Tờ trình số 214/TTr-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí để khắc phục khẩn cấp thiệt hại do bão, lũ năm 2022 gây ra trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

1.2. Những đơn vị được UBND tỉnh giao thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, phân phối, bảo quản:

1.2.1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi;

1.2.2. Sở Nông nghiệp và PTNT:

1.2.2.1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Quảng Ngãi

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật là cơ quan chuyên môn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có chức năng giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về sản xuất trồng trọt, giống cây trồng nông nghiệp, sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp, phân bón, bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật nội địa, thuốc bảo vệ thực vật, khử trùng và quản lý dịch vụ công thuộc phạm vi lĩnh vực được giao trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật được giao nhiệm vụ tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất các biện pháp khắc phục thiên tai trong sản xuất trồng trọt; tiếp nhận và phân bổ hàng DTQG và báo cáo kết quả tiếp nhận và phân bổ cho UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Địa chỉ : 197 Bích Khê, Phường Nghĩa Chánh - Thành phố Quảng Ngãi

Số điện thoại :0255-3823862

Số Fax :0255-3823862

Địa chỉ Email: ccttbvtv-snn@quangngai.gov.vn

1.2.2.2. Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Quảng Ngãi

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Quảng Ngãi là cơ quan chuyên môn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về chăn nuôi và thú y (bao gồm cả thú y thủy sản) trên địa bàn tỉnh.

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu

sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Chăn nuôi, Cục Thú y trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ : 176 Hùng Vương- Thành phố Quảng Ngãi

Số điện thoại :0255-3819412

Số Fax :0255-3711527

Địa chỉ Email: cccnty-snn@quangngai.gov.vn

1.3. Các văn bản qui định liên quan đến tiếp nhận, phân bố hàng DTQG giai đoạn từ năm 2020 – 2022:

1.3.1. Về hạt giống:

+ Năm 2020 (tiếp nhận và phân bố sang năm 2021):

Công văn số 6509/UBND-NNTN ngày 26/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc tiếp nhận và phân bố giống cây trồng do Trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai năm 2020.

Công văn số 105/UBND-NNTN ngày 09/01/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc tiếp nhận hạt giống cây trồng từ nguồn dự trữ Quốc gia hỗ trợ cho tỉnh Quảng Ngãi.

+ Năm 2021 (tiếp nhận và phân bố vụ Đông Xuân 2021-2022)

Công văn số 7200/UBND-KTN ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc tiếp nhận và phân bố giống cây trồng do Trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021.

+ Năm 2022 (tiếp nhận và phân bố vụ Đông xuân 2022-2023)

Các Công văn số 3842/UBND-KTN ngày 03/8/2022; số 4031/UBND-KTN ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh về việc tiếp nhận, phân bố hạt giống lúa do Trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai năm 2022.

1.3.2. Về vắc xin và hóa chất

+ Năm 2020:

Các Công văn số 793/UBND-NNTN ngày 28/02/2020; số 5571/UBND-NNTN ngày 13/11/2020 của UBND tỉnh về việc tiếp nhận vắc xin, hoá chất Trung ương hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật.

+ Năm 2021:

Công văn số 735/UBND-NNTN ngày 23/02/2021 của UBND tỉnh về việc tiếp nhận vắc xin, hoá chất Trung ương hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật.

Công văn số 2866/UBND-NNTN ngày 22/6/2021 của UBND tỉnh về việc tiếp nhận hoá chất dự trữ quốc gia hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật.

Công văn số 5274/UBND-NNTN ngày 08/10/2021 của UBND tỉnh về việc tiếp nhận vắc xin, hoá chất Trung ương hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật.

+ Năm 2022:

Công văn số 984/UBND-KTK ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh về việc xuất hoá chất dự trữ quốc gia hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi phòng, chống dịch bệnh động vật.

Công văn số 5738/UBND-KTK ngày 10/11/2022 của UBND tỉnh về việc tiếp nhận vắc xin, hoá chất Trung ương hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật.

1.3.3. Về tiếp nhận gạo

Quyết định số 1991/QĐ-TTg ngày 04/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất cấp gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho các tỉnh Quảng Bình, Quảng Ngãi để hỗ trợ cứu đói cho nhân dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, mưa lũ.

Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ 1.592,385 tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia để hỗ trợ cứu đói cho nhân dân bị thiệt hại do bão số 9 và mưa lũ gây ra trên địa bàn tỉnh. Kết quả đã phân bổ, cấp phát cho 32.969 hộ/106.159 khẩu, số gạo 1.592,385 tấn.

2. Công tác tiếp nhận và phân phối, sử dụng và bảo quản

2.1. Sở Lao động thương binh và xã hội tiếp nhận và phân bổ

+ Năm 2021 (tiếp nhận và phân bổ)

Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 29/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất cấp gạo từ nguồn dự trữ quốc gia để cứu đói cho nhân dân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và giáp hạt đầu năm 2021.

Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ 1.240,125 tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia để hỗ trợ cứu đói cho nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021. Kết quả đã phân bổ, cấp phát cho 30.328 hộ/82.675 khẩu, số gạo: 1.240,125 tấn.

Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 10/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất cấp gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi để hỗ trợ cho người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ 692,745 tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia để hỗ trợ cho người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 năm 2021. Kết quả phân bổ, cấp phát cho 15.272 hộ/46.183 khẩu, số gạo: 692,745 tấn.

+ Năm 2022 (tiếp nhận và phân bổ)

Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 21/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất cấp gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho các tỉnh Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Định.

Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân bổ 1.081,350 tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia để hỗ trợ cho người dân bị ảnh hưởng bởi mưa, lũ gây ra năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Kết quả phân bổ, cấp phát cho 24.113 hộ/72.090 khẩu, số gạo 1.081,350 tấn.

Quyết định số 143/QĐ-TTg ngày 27/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất cấp gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho tỉnh Quảng Ngãi trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần và giáp hạt đầu năm 2022.

Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ 989,115 tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia để hỗ trợ cứu đói cho người dân trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần và giáp hạt đầu năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Kết quả phân bổ, cấp phát cho 26.446 hộ/65.941 khẩu, số gạo 989,115 tấn.

(theo phụ lục 02 đính kèm)

2.2. Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp nhận và phân bổ:

2.2.2. Về hạt giống (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Quảng Ngãi trực tiếp thực hiện)

Năm 2020 (tiếp nhận và phân bổ sang năm 2021):

a) Văn bản tiếp nhận và phân bổ giống:

Các Công văn số 34/SNNPTNT-TTBVTV ngày 06/01/2021; số 860/SNNPTNT-TTBVTV ngày 02/4/2021; số 3671/SNNPTNT-TTBVTV ngày 18/11/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp nhận và phân bổ hạt giống lúa từ nguồn dự trữ Quốc gia để hỗ trợ khắc phục thiệt hại do mưa lũ gây ra.

b) Báo cáo kết quả tiếp nhận và phân bổ:

Các Báo cáo số 1302/BC-SNNPTNT-TTBVTV ngày 17/5/2021; số 3957/BC-SNNPTNT-TTBVTV ngày 09/12/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kết quả phân bổ và giao nhận hạt giống lúa do Trung ương hỗ trợ khắc phục thiệt hại do mưa lũ gây ra năm 2020 cho các huyện, thị xã.

Năm 2021 (tiếp nhận và phân bổ vụ Đông Xuân 2021-2022)

a) Văn bản tiếp nhận và phân bổ giống:

Quyết định số 766/QĐ-SNNPTNT ngày 31/12/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp nhận và phân bổ hạt giống lúa khắc phục thiệt hại do mưa bão, để khôi phục sản xuất Đông xuân 2021-2022.

b) Báo cáo kết quả tiếp nhận và phân bổ:

Báo cáo số 39/BC-SNNPTNT-TTBVTV ngày 06/01/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Kết quả tiếp nhận và phân bổ hạt giống lúa HN6 do Trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021.

Năm 2022 (tiếp nhận và phân bổ vụ Đông xuân 2022-2023)

a) Văn bản tiếp nhận và phân bổ giống:

Quyết định số 650/QĐ-SNNPTNT ngày 14/11/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp nhận và phân bổ hạt giống lúa do Trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai năm 2022.

Quyết định số 744/QĐ-SNNPTNT ngày 22/11/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 650/QĐ-SNNPTNT ngày 14/11/2022 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Báo cáo kết quả tiếp nhận và phân bổ:

Báo cáo số 4560/BC-SNNPTNT ngày 13/12/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kết quả tiếp nhận và phân bổ hạt giống lúa do Trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai năm 2022.

(theo phụ lục 01 đính kèm)

2.2.3. Về vắc xin và hóa chất (*Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Quảng Ngãi thực hiện*)

1) Năm 2020 (tiếp nhận và phân bổ)

Các Quyết định số 561/QĐ-BNN-TY ngày 25/02/2020; số 4485/QĐ-BNN-TY ngày 09/11/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc xuất vắc xin và hóa chất dự trữ quốc gia hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi phòng chống dịch bệnh động vật.

Công văn số 61/TY-DT ngày 18/11/2020 của Chi cục Thú y vùng IV về việc tiếp nhận và phân bổ thuốc sát trùng.

Quyết định số 110/QĐ-SNNPTNT ngày 11/3/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân bổ vắc xin LMLM từ nguồn Dự trữ quốc gia cho các huyện đồng bằng tiêm phòng cho đàn gia súc.

Quyết định số 491/QĐ-SNNPTNT ngày 15/9/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân bổ hóa chất cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện tháng tổng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường và dự trữ phòng chống dịch bệnh năm 2020.

Quyết định số 695/QĐ-SNNPTNT ngày 23/11/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân bổ vắc xin, hóa chất do Trung ương hỗ trợ cho các huyện, thị xã, thành phố để phòng, chống dịch bệnh động vật.

2) Năm 2021 (tiếp nhận và phân bổ)

Các Quyết định số 177/QĐ-BNN-TY ngày 12/01/2021; số 2604/QĐ-BNN-TY ngày 11/6/2021; số 3951/QĐ-BNN-TY ngày 05/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc xuất hóa chất dự trữ quốc gia hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi phòng chống dịch bệnh động vật.

Quyết định số 62/QĐ-SNNPTNT ngày 26/2/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân bổ hóa chất dự trữ quốc gia hỗ trợ phòng chống dịch bệnh động vật cho các huyện, thị xã, thành phố.

Quyết định số 130/QĐ-SNNPTNT ngày 13/10/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân bổ hóa chất cho các huyện, thị xã, thành phố chống dịch và thực hiện tháng tổng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường đợt 1 năm 2021.

Quyết định số 188/QĐ-SNNPTNT ngày 21/5/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân bổ vắc xin LMLM gia súc từ dự trữ quốc gia của năm 2020 cho các huyện, thị xã, thành phố tiêm phòng chống dịch LMLM.

Quyết định số 267/QĐ-SNNPTNT ngày 24/6/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân bổ hóa chất dự trữ quốc gia hỗ trợ phòng chống dịch bệnh động vật cho các huyện, thị xã, thành phố.

Quyết định số 552/QĐ-SNNPTNT ngày 25/10/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân bổ hóa chất và vắc xin LMLM gia súc từ nguồn dự trữ quốc gia của năm 2021 cho các huyện, thành phố.

Quyết định số 560/QĐ-SNNPTNT ngày 08/11/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân bổ hóa chất từ nguồn dự trữ quốc gia và nguồn ngân sách tỉnh mua năm 2021 cho các huyện, thị xã, thành phố.

Quyết định số 743/QĐ-SNNPTNT ngày 24/12/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh Quyết định số 62/QĐ-SNNPTNT ngày 26/02/2021 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân bổ hóa chất dự trữ quốc gia hỗ trợ phòng chống dịch bệnh động vật cho các huyện, thị xã, thành phố.

Quyết định số 764/QĐ-SNNPTNT ngày 31/12/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân bổ Sodium Chlorite từ nguồn Dự trữ quốc gia năm 2020 hỗ trợ huyện Mộ Đức chống dịch bệnh thủy sản.

3) Năm 2022 (tiếp nhận và phân bổ)

Các Quyết định số 822/QĐ-BNN-TY ngày 07/3/2022; số 4336/QĐ-BNN-TY ngày 09/11/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc xuất hóa chất dự trữ quốc gia hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi phòng chống dịch bệnh động vật.

Quyết định số 91/QĐ-SNNPTNT ngày 15/3/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân bổ hóa chất dự trữ quốc gia hỗ trợ phòng chống dịch bệnh động vật cho các huyện, thị xã, thành phố.

Quyết định số 470/QĐ-SNNPTNT ngày 05/8/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân bổ hóa chất tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi và xử lý môi trường nước từ nguồn dự trữ quốc gia hỗ trợ cho các huyện: Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Hành và thành phố Quảng Ngãi.

Quyết định số 515/QĐ-SNNPTNT ngày 31/8/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân bổ hóa chất Benkocid để tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi và xử lý dịch bệnh Dịch tả lợn Châu Phi từ nguồn dự trữ quốc gia hỗ trợ cho huyện Sơn Tịnh.

Quyết định số 587/QĐ-SNNPTNT ngày 25/10/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân bổ hóa chất Benkocid, Sodium Chlorite 20% để tiêu độc khử trùng môi trường từ nguồn dự trữ quốc gia và tời rọi, xô tay phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm cho các huyện, thị xã, thành phố.

Quyết định số 764/QĐ-SNNPTNT ngày 29/11/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân bổ tiếp nhận và phân bổ vắc xin, hóa chất từ nguồn Dự trữ quốc gia hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật cho các huyện, thị xã, thành phố.

(theo phụ lục 01 đính kèm)

3. Đánh giá và kiến nghị

- Về tiếp nhận và phân bổ gạo:

Khi có Quyết định hỗ trợ gạo cứu đói của Thủ tướng Chính phủ thường trùng với thời gian cận kề ngày Tết Nguyên đán, rất khó khăn trong công tác tiếp nhận và cấp phát gạo cho người dân, nhất là các huyện miền núi, vùng cao có địa hình rất phức tạp trong công tác vận chuyển gạo; do vậy đề nghị các Bộ, ngành Trung ương sau khi có văn bản đề nghị hỗ trợ gạo cho người dân thiếu đói của UBND tỉnh, cần tham mưu Thủ tướng Chính phủ có Quyết định hỗ trợ thời gian trước ngày 20 tháng Chạp hàng năm để thuận tiện trong việc tiếp nhận và cấp phát gạo đến người dân.

3.2 Về tiếp nhận hạt giống và vắc xin, hóa chất

- Về hạt giống

Công tác tiếp nhận, cấp phát hạt giống lúa, ngô do Trung ương hỗ trợ cho các hộ nông dân đảm bảo kịp thời, góp phần khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra đối với sản xuất trồng trọt.

- Về vắc xin và hóa chất

Trong những năm qua, dịch bệnh xảy ra thường xuyên trên địa bàn tỉnh, được sự quan tâm của các cấp, các ngành đã tạo điều kiện xuất cấp, vắc xin, hoá chất từ nguồn hàng dự trữ quốc gia để tỉnh Quảng Ngãi thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn tỉnh kịp thời, giảm thiệt hại kinh tế cho người chăn nuôi.

Việc xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng dự trữ quốc gia được triển khai nhanh, kịp thời, đáp ứng công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và quản lý, sử dụng đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng dự trữ quốc gia.

Trên đây là báo cáo kết quả tiếp nhận và phân bổ hàng dự trữ quốc gia phục vụ công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn giai đoạn năm 2020-2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCTUBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính,
Nông nghiệp và PTNT,
Lao động, Thương binh và Xã hội;
- BCH PTTT và TKCN;
- VPUV: CVP, PCVP, CB-TH;
- Lưu: VT, KTNtv26.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Phước Hiền



Handwritten text, possibly a signature or address, appearing as a vertical line of characters on the left side of the page.

Faint handwritten text or markings at the bottom left corner of the page.

PHỤ LỤC 01

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, PHÂN PHỐI HANG CẤP ĐỀ XUẤT CỨU TRỢ, HỖ TRỢ TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo số ~~72~~ **73**.../4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



| Số TT | Thời gian | Văn bản đề nghị của đơn vị | | | | Quyết định của cấp có thẩm quyền | | Đơn vị tỉnh | Số hiệu văn bản giao nhiệm vụ cho đơn vị tiếp nhận hàng của UBND tỉnh | Mặt hàng gạo | | | | | | | |
|-------|---|----------------------------|-------------------------------------|-----------|-------------|----------------------------------|----------------------------|--------------|---|----------------|------------------------|----------------|---------------------------------|----------------|-------------------------|----------------|--|
| | | Số hiệu văn bản | Địa phương tỉnh (huyện, tp, thị xã) | SL | Số hiệu | Ngày tháng năm | Theo QĐ của cấp thẩm quyền | | | Giá trị (đồng) | Hàng thực tế tiếp nhận | Giá trị (đồng) | Số thực tế đã cấp cho đối tượng | Giá trị (đồng) | Số lượng không dùng hết | Giá trị (đồng) | |
| A | B | C | D | E | F | G | H | I | J | K | M | N | O | P | Q | R | |
| | Số Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Năm 2020 | 5487/UBND-NNN | Tỉnh Quảng Ngãi | 2.340.715 | 1991/QĐ-TTg | 12/4/2020 | Tân | 1865/QĐ-UBND | 1.592.385 | | 1.592.385 | | 1.592.385 | | 0.000 | | |
| | Năm 2021 | 124/UBND-KGVX | Tỉnh Quảng Ngãi | 1.240.125 | 140/QĐ-TTg | 29/01/2021 | Tân | 178/QĐ-UBND | 1.240.125 | | 1.240.125 | | 1.240.125 | | 0.000 | | |
| | Năm 2021 | 4218/UBND-KGVX | Tỉnh Quảng Ngãi | 692.745 | 1470/QĐ-TTg | 9/19/2021 | Tân | 1447/QĐ-UBND | 692.745 | | 692.745 | | 692.745 | | 0.000 | | |
| | Năm 2022 | 6935/UBND-KGVX | Tỉnh Quảng Ngãi | 1.081.350 | 122/QĐ-TTg | 1/21/2022 | Tân | 92/QĐ-UBND | 1.081.350 | | 1.081.350 | | 1.081.350 | | 0.000 | | |
| | Năm 2022 | 216/UBND-KGVX | Tỉnh Quảng Ngãi | 989.115 | 143/QĐ-TTg | 1/27/2022 | Tân | 137/QĐ-UBND | 989.115 | | 989.115 | | 989.115 | | 0.000 | | |



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, PHÂN PHỐI HÀNG ĐƯỢC ĐỀ XUẤT CỨU TRỢ, HỖ TRỢ TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục 1

(Kèm theo Báo cáo số 77/BC/UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



| T T | Thời gian | Văn bản đề nghị của đơn vị | | | Quyết định của cấp có thẩm quyền | | Đơn vị tính | Số hiệu văn bản giao nhiệm vụ cho đơn vị tiếp nhận hàng của UBND tỉnh | Mặt hàng gạo | | | | | | | |
|---|-----------|----------------------------|-------------------------------------|-----------|----------------------------------|----------------|-------------|---|----------------------------|------------------------|---------------------------------|------------------------------|-----------|---|-------|---|
| | | Số hiệu văn bản | Địa phương tỉnh (huyện, tp, thị xã) | SL | Số hiệu | Ngày tháng năm | | | Theo QĐ của cấp thẩm quyền | Hàng thực tế tiếp nhận | Số thực tế đã cấp cho đối tượng | Số lượng hàng không dùng hết | | | | |
| A | B | C | D | E | F | G | H | I | J | K | M | N | O | P | Q | R |
| Số Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Năm 2020 | 5487/UBND-NNNT | Tỉnh Quảng Ngãi | 2.340.715 | 1991/QĐ-TTg | 12/4/2020 | Tấn | 1865/QĐ-UBND | 1.592.385 | | 1.592.385 | | 1.592.385 | | 0.000 | |
| | Năm 2021 | 124/UBND-KGVX | Tỉnh Quảng Ngãi | 1.240.125 | 140/QĐ-TTg | 29/01/2021 | Tấn | 178/QĐ-UBND | 1.240.125 | | 1.240.125 | | 1.240.125 | | 0.000 | |
| | Năm 2021 | 4218/UBND-KGVX | Tỉnh Quảng Ngãi | 692.745 | 1470/QĐ-TTg | 9/19/2021 | Tấn | 1447/QĐ-UBND | 692.745 | | 692.745 | | 692.745 | | 0.000 | |
| | Năm 2022 | 6935/UBND-KGVX | Tỉnh Quảng Ngãi | 1.081.350 | 122/QĐ-TTg | 1/21/2022 | Tấn | 92/QĐ-UBND | 1.081.350 | | 1.081.350 | | 1.081.350 | | 0.000 | |
| | Năm 2022 | 216/UBND-KGVX | Tỉnh Quảng Ngãi | 989.115 | 143/QĐ-TTg | 1/27/2022 | Tấn | 137/QĐ-UBND | 989.115 | | 989.115 | | 989.115 | | 0.000 | |

PHỤ LỤC 02

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, PHÂN PHỐI HÀNG DÒNG, ĐỀ XUẤT CỨU TRỢ ĐỀ PHÒNG, CHỐNG KHÁC PHỤC
HÀU QUẢ THIÊN TAI GIAI ĐOẠN NĂM 2020-2022

(Kèm theo Báo cáo số 77/BĐ UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



| TT | Văn bản đề nghị cấp của đơn vị | Quyết định của BNN | Đơn vị tính | Số hiệu VB giao nhiệm vụ tiếp nhận hàng của UBND tỉnh | Mặt hàng Hạt giống lúa, ngô | | | | | | | | Ghi chú | | |
|---|---------------------------------------|---|------------------------|---|--|------------------------|---|----------------------------|----------------|----------|----------------|---|--------------------|----------|---------------------------------------|
| | | | | | Số Quyết định của SNNPTNT | Hàng thực tế tiếp nhận | Số thực tế đã cấp cho đối tượng sử dụng | Số lượng hàng hóa dùng hết | | | | | | | |
| Số hiệu VB | Số lượng | Số hiệu | Ngầu tháng, năm | Số lượng | Giá trị (đồng) | Số lượng | Giá trị (đồng) | Số lượng | Giá trị (đồng) | Số lượng | Giá trị (đồng) | | | | |
| Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Quảng Ngãi | | | | | | | | | | | | | | | |
| Năm 2020 | TTr số 155/TTr-UBND, ngày 30/11/2020 | 887,7 tấn hạt giống lúa, 73 tấn hạt giống ngô, 26,3 tấn hạt giống rau | CV số 8828/BNN- TT | 12/16/2020 | CV số 6509/UBND- NNTN, ngày 26/12/2020 | 276,48 | 276,48 | 276,48 | 0 | 0 | | (205 tấn hạt giống lúa, 71,48 tấn hạt giống ngô); Tiếp nhận và phân bổ vào năm 2021. Nhận bằng hiện vật | | | |
| | | | | | | | | | | | | | CV số 01/BNN- VP | 1/2/2021 | CV số 105/UBND- NNTN, ngày 09/01/2021 |
| | | | | | | | | | | | | | CV số 01/TT-CLT | 1/3/2021 | |
| | | | | | | | | | | | | | CV số 411/TT- VPPN | 5/4/2021 | |
| Năm 2021 | CV số 7125/UBND -KTN, ngày 29/12/2021 | 99 tấn hạt giống lúa | QB số 5228/QĐ- BNN- TT | 12/30/2021 | CV số 7200/UBND- KTN, ngày 31/12/2021 | 99 | 99 | 99 | 0 | 0 | | 99 tấn hạt giống lúa; Tiếp nhận vụ Đông xuân 2021-2022. Nhận bằng hiện vật | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | |
|---------------------|--|---|-------------------------------------|------------------|------------|---|--------------|--------------|--------------|---|--|
| <p>Năm 2022</p> | <p>CV số 1602/UBND -KTN, ngày 8/4/2022</p> | <p>800 tấn hạt giống lúa; 1,5 tấn hạt giống rau</p> | <p>QĐ số 921/QĐ- BNN-TT</p> | <p>8/1/2022</p> | <p>Tấn</p> | <p>CV số 3842/UBND- KTN, ngày 03/8/2022</p> | <p>647.3</p> | <p>647.3</p> | <p>647.3</p> | <p>647.3 tấn hạt giống lúa; Tiếp nhận vụ Đông xuân 2022-2023.</p> | |
| | | | <p>CV số 5137/BNN -KH</p> | <p>8/5/2022</p> | | | | | | | <p>CV số 4031/UBND- KTN, 10/8/2022</p> |
| | | | <p>CV số 755/TT- VPPN</p> | <p>8/12/2022</p> | | | | | | | |

PHỤ LỤC 02

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, PHÂN PHỐI HÀNG DTOG, ĐỀ XUẤT CỨU TRỢ ĐỀ PHÒNG, CHỐNG KHÁC PHỤC HẠO HỎA THIÊN TẠI GIAI ĐOẠN NĂM 2020-2022

(Kèm theo Báo cáo số ~~77~~ 75/BC-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



| TT | Văn bản đề nghị cấp của đơn vị | | | Quyết định của BNN | | Số lượng | Đơn vị tính | Số hiệu VB giao nhiệm vụ tiếp nhận hàng của UBND tỉnh | Mặt hàng vắc xin, hóa chất | | | | | | Ghi chú | | | | |
|----|---------------------------------|----------|-------------|--------------------|-----------------|----------|-------------|---|----------------------------|-------------|---|-------------------------|--------|------------------------|---------|---|--------|----------------------------|-----------|
| | Số hiệu VB | Số lượng | Đơn vị tính | Số hiệu | Ngày tháng, năm | | | | Số lượng | Đơn vị tính | Số hiệu VB giao nhiệm vụ tiếp nhận hàng của UBND tỉnh | Quyết định của SNNP/TNT | | Hàng thực tế tiếp nhận | | Số thực tế đã cấp cho đối tượng sử dụng | | Số lượng hàng hóa dùng hết | |
| 1 | 537/UBND -NNTN ngày 14/2/2020 | 20,000 | Lít | 561/QĐ-BNN-TY | 2/25/2020 | 5,000 | Lít | 793/UBND -NNTN ngày 28/2/2020 | 5,000 | 841,165,000 | 5,000 | 841,165,000 | 5,000 | 841,165,000 | 5,000 | 841,165,000 | 5,000 | 841,165,000 | Vắc xin d |
| | | 20,000 | Liều | | | | | | | 20,000 | | Liều | | 20,000 | | 388,000,000 | | 20,000 | |
| 2 | 5390/UBND -NNTN ngày 14/11/2020 | 50,000 | Liều | 4485/QĐ -BNN-TY | 11/9/2020 | 30,000 | Liều | 5571/UBND -NNTN ngày 13/11/2020 | 30,000 | 582,000,000 | 30,000 | 582,000,000 | 30,000 | 582,000,000 | 30,000 | 582,000,000 | 30,000 | 582,000,000 | Vắc xin M |
| | | 30,000 | Liều | | | | | | | 10,000 | | Liều | | 10,000 | | 1,682,330,000 | | 10,000 | |

| o c i d | | S o i d i u m | | B e n k o c i d | | V X L M L M | | B e n k o c i d | | S o i d i u m | | V X L M L M | | B e n k | |
|---------|--|---------------|------|------------------------|-----------|-------------|------|-----------------|------|---------------|---------------|-------------|---------------|---------|---------------|
| 3 | 6635/UBN D-NNTN ngày 31/12/2020 | 30,000 | Lít | 177/QĐ- BNN-TY | 1/12/2021 | 10 | Tán | 10,000 | Lít | 10 | 665,000,000 | 15,000 | 2,542,500,000 | 10 | 665,000,000 |
| | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | 2520/UBN D-NNTN ngày 4/6/2021 | 30,000 | Lít | 2604/QĐ -BNN- TY | 6/11/2021 | 10 | Tán | 10,000 | Lít | 10 | 665,000,000 | 15,000 | 2,542,500,000 | 10 | 665,000,000 |
| | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | 4925/UBN D-NNTN ngày 23/9/2021 | 80,000 | Liều | 3951/QĐ -BNN- TY | 10/5/2021 | 56,675 | Liều | 56,675 | Liều | 56,675 | 1,073,118,125 | 56,675 | 1,073,118,125 | 56,675 | 1,073,118,125 |
| | | | | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---------------------------------|--------------------------------------|--------|-----|---|-----------|--------|------|------------------------|-----------|--------|------|--|------------------------|----|-----|--------|---------------|--------|---------------|--------|---------------|--------|---------------|--------|---------------|
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| o c i d | B e n k o c i d | 20,000 | Lít | 824/UBND -NNTN ngày 28/2/2022 | 3/7/2022 | 40,000 | Liêu | 822/QĐ- BNN-TY | 11/9/2022 | 50,000 | Liêu | 5738/UBND D-NNTN ngày 10/1/2022 | 4336/QĐ -BNN- TY | 10 | Tấn | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 |
| | | | | | | | | | | | | | | 10 | Tấn | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | | |
| | | | | | | | | | | | | | | 10 | Tấn | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | | |
| | | | | | | | | | | | | | | 10 | Tấn | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | | |
| S o i đ i n h | V X L M L M | 20 | tấn | 824/UBND -NNTN ngày 28/2/2022 | 3/7/2022 | 10 | tấn | 822/QĐ- BNN-TY | 11/9/2022 | 50,000 | Liêu | 5738/UBND D-NNTN ngày 10/1/2022 | 4336/QĐ -BNN- TY | 10 | Tấn | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 |
| | | | | | | | | | | | | | | 10 | Tấn | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | | |
| | | | | | | | | | | | | | | 10 | Tấn | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | | |
| | | | | | | | | | | | | | | 10 | Tấn | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | | |
| S o i đ i n h | B e n k o c i d | 20 | Lít | 5510/UBND D-NNTN ngày 27/10/2022 | 11/9/2022 | 5,000 | Lít | 4336/QĐ -BNN- TY | 11/9/2022 | 5,000 | Lít | 5738/UBND D-NNTN ngày 10/1/2022 | 4336/QĐ -BNN- TY | 10 | Tấn | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 |
| | | | | | | | | | | | | | | 10 | Tấn | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | | |
| | | | | | | | | | | | | | | 10 | Tấn | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | | |
| | | | | | | | | | | | | | | 10 | Tấn | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | 10,000 | 1,695,000,000 | | |